

Bản án số: 92 /2024/DS-ST

Ngày 12.9.2024

V/v “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Nga

Hội thẩm nhân dân: - Ông Đặng Công Tâm

- Ông Nguyễn Xuân Tùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án vụ án dân sự thụ lý số 81/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc “yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-DS ngày 05.8.2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2024/QĐST-DS ngày 26.8.2024 giữa:

**\* Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hữu N. Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Chung cư B, tổ G, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng, (có mặt).

**\* Bị đơn:** Công ty Cổ phần X. Địa chỉ: F H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt).

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Huỳnh Thị Ngọc H. Địa chỉ: F H, quận H, thành phố Đà Nẵng, (vắng mặt).

**\* Người làm chứng:** Ông Nguyễn Hồng L. Địa chỉ: C L, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N trình bày như sau:**

Ngày 14/7/2023, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã ban hành Bản án số 54/2023/DS-ST buộc Công ty X phải trả cho tôi số tiền 324.000.000 đồng. Do không hiểu biết về pháp luật nên tôi không yêu cầu Công ty Dương Ngân L1 trả tiền lãi và tôi đã kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 25/01/2024, tôi đã rút đơn kháng cáo về tiền lãi, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 28/2024/QĐ-PT ngày 26/01/2024.

Do vậy, tôi tiếp tục khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu buộc Công ty cổ phần X trả tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 324.000.000 đồng, cụ thể như sau: Buộc Công ty cổ phần X Dương Ngân L1 trả tiền chậm thanh toán đối với số tiền 324.000.000 đồng của hợp đồng nhân công với mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 26.7.2018 đến ngày 26.01.2024 là: 178.200.000 đồng.

**\* Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty Cổ phần X và bà Huỳnh Thị Ngọc H để lấy lời khai và tham gia hoà giải nhưng Công ty Cổ phần X Dương Ngân L1 và bà Huỳnh Thị Ngọc H vắng mặt không có lý do và cũng không gửi ý kiến, nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N, buộc Công ty Cổ phần X Dương Ngân L1 phải trả số tiền lãi chậm thanh toán 178.200.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Hữu N yêu cầu Công ty cổ phần X (gọi tắt là Công ty X) có trụ sở tại F H, quận H, thành phố Đà Nẵng thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi trong hợp đồng thi công nên Tòa án nhân dân quận Hải Châu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu N về việc buộc Công ty X thanh toán tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 324.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 26.7.2018 đến ngày 26.01.2024 là 178.200.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 30/5/2018, Công ty X ký hợp đồng nhân công với ông Nguyễn Hữu N với tư cách là đội thi công ép cọc để thực hiện khối lượng công việc theo Hợp đồng

kinh tế số 05/HĐKT/468-DNL tại trường Cao đẳng K để thực hiện công việc ép cọc và đặt cọc. Sau khi công việc hoàn thành, ngày 03/7/2018 giữa ông Nguyễn Hữu N và ông Bùi Tấn Tuấn A (Giám đốc Công ty X), ông Nguyễn Hồng L (đại diện Công ty cổ phần X) đã ký biên bản xác nhận khối lượng công việc thực hiện. Sau nhiều lần đề nghị Công ty X thanh toán nhưng Công ty không thực hiện, ông Nguyễn Hữu N đã khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân quận Hải Châu tuyên buộc Công ty X thanh toán cho ông số tiền 324.000.000 đồng theo hợp đồng nhân công nêu trên. Tại Bản án số 54/2023/DS-ST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã tuyên: Buộc Công ty cổ phần X phải thanh toán cho ông Nguyễn Hữu N số tiền nhân công là 324.000.000 đồng. Về tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, do ông Nguyễn Hữu N không yêu cầu nên bản án không đề cập giải quyết.

HĐXX xét thấy, Bản án số 54/2023/DS-ST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã có hiệu lực pháp luật theo Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 28/2024/QĐ-PT ngày 26.01.2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Tại bản án nêu trên chưa đề cập giải quyết đối với tiền lãi chậm thanh toán nên ông Nguyễn Hữu N khởi kiện yêu cầu Công ty X thanh toán tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 324.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 2 về “phương thức thanh toán” Hợp đồng nhân công ngày 30.5.2028 và Biên bản xác nhận khối lượng công việc thực hiện ngày 03.7.2018. Xét mức lãi suất chậm thanh toán mà ông Nguyễn Hữu N yêu cầu 10%/năm và thời gian tính lãi từ ngày 26.7.2018 đến ngày 26.01.2024 là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng nêu trên và quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu N.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu N về việc “yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm thanh toán” đối với Công ty Cổ phần X.

Buộc Công ty Cổ phần X thanh toán cho ông Nguyễn Hữu N số tiền lãi là: 178.200.000 đồng (một trăm bảy mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Nguyễn Hữu N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng Công ty Cổ phần X Dương Ngân L1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần X phải chịu là 8.910.000 đồng. Hoàn trả ông Nguyễn Hữu N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 4.455.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000035 ngày 11.3.2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THASDS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hà Thị Thanh Nga**